

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HK II MÔN KHTN – LỚP 6

T T (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng số câu TN/số ý TL		Tổng % điểm (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		TL	TN	
			TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN			
1	Đa dạng thế giới sống (26 tiết)		2	2	1	2					3	4	2,5
2	Lực (15 tiết)			4	2	2	2				4	6	3,5
3	Năng lượng và cuộc sống (10 tiết)			2	1		2				3	2	2,0
4	Trái đất và bầu trời (10 tiết)			4					2		2	4	2,0
Tổng số câu TN/số ý TL			2	12	4	4	4	0	2	0	12	16	10,00
Điểm số			1,0	3,0	2,0	1,0	2,0	0	1,0	0	6,0	4,0	10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		60%	40%	100
Tỉ lệ chung			70%				30%						100

Ghi chú:

- Cột 2 và cột 3 ghi tên chủ đề như trong Chương trình giáo dục phổ thông môn KHTN 2018, gồm các chủ đề đã dạy theo kế hoạch giáo dục tính đến thời điểm kiểm tra.
- Cột 12 ghi tổng % số điểm của mỗi chủ đề.
- Đề kiểm tra cuối học kì dành khoảng 25% số điểm để kiểm tra, đánh giá phần nội dung thuộc nửa đầu của học kì đó.
- Tỉ lệ % số điểm của các chủ đề tương ứng với tỉ lệ thời lượng dạy học của các chủ đề đó.
- Tỉ lệ các mức độ đánh giá: Nhận biết 40%; Thông hiểu 30%; Vận dụng 20%; Vận dụng cao 10%.
- Tỉ lệ điểm TNKQ 40%, TL 60%.
- Số câu hỏi TNKQ 16 câu, mỗi câu khoảng 0,25 điểm; TL khoảng 6-12 ý, mỗi câu khoảng 0,5 -1,0 điểm.

BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI HK II MÔN KHTN -LỚP 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN

			(Số ý)	(Số câu)	(Số ý)	(Số câu)
Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống (26 tiết)			3	4		
- Sự đa dạng nguyên sinh vật. - Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.	3. Đa dạng nguyên sinh vật:					
	Nhận biết	Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.		1		C1
		- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).				
	Thông hiểu					
		- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.				
- Sự đa dạng nấm. - Vai trò của nấm. - Một số bệnh do nấm gây ra.	Vận dụng	Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.				
	4. Đa dạng nấm:					
	Nhận biết	Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.	1		C1	
		- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...).				
	Thông hiểu	Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.				
		- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.				
	Vận dụng	Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).				

	Vận dụng cao	Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...				
- Sự đa dạng.	5. Đa dạng thực vật:					
	Thông hiểu	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		1		C2
		- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).				
	Vận dụng	Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.				
	6. Đa dạng động vật					
	Nhận biết:	Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.				
	Thông hiểu	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.		1		C3
		- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.	1		C5b	
		- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.		1		C4
	Vận dụng	Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.				
	7. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.					
	Nhận biết	Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ	2		C5b	

		môi trường, ...)				
		8. Bảo vệ đa dạng sinh học				
	Vận dụng	Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.				
		9. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.				
	Vận dụng cao	- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.				
		- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).				
		- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.				
		- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.				
		- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).				
		- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.				
		2. Chủ đề 9. Lực (15 tiết)	4	6		
– Lực và tác dụng của lực	Nhận biết	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.				
		- Nêu được đơn vị lực đo lực.				
		- Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.		1		C5

	Thông hiểu	- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.	2		C20	
		- Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).				
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.				
– Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	Nhận biết	- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.				
		- Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.		1		C6
	Thông hiểu	- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.				
– Ma sát	Nhận biết	- Kể tên được ba loại lực ma sát.				
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ.		1		C7
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn.				
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt.				
	Thông hiểu	- Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát.				
		- Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ.				

		- Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn.				
	Vận dụng	- Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế.				
		- Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.				
– Lực cản của nước	Nhận biết	- Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí).				
	Thông hiểu	- Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường.				
	Vận dụng	- Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó.				
– Khối lượng và trọng lượng	Nhận biết	- Nêu được khái niệm về khối lượng.		1		C8
		- Nêu được khái niệm lực hấp dẫn.				
		- Nêu được khái niệm trọng lượng.				
	Thông hiểu	- Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường.				
		- Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực.		1		C9
	Vận dụng	Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại				

– Biến dạng của lò xo	Nhận biết	- Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện.				
		- Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém.				
		- Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi.				
	Thông hiểu	- Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng.				
		- Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo		1		C10
	Vận dụng	- Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật.				
Chủ đề 10. Năng lượng và cuộc sống (10 tiết)			3	2		
– Khái niệm về năng lượng – Một số dạng năng lượng	Nhận biết	- Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.		1		C11
		- Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế.				
		- Kể tên được một số loại năng lượng.				
	Thông hiểu	- Nêu được nhiên liệu là vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa.				
		- Phân biệt được các dạng năng lượng.				

		- Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.				
	Vận dụng	- Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ.				
		- So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác.				
– Sự chuyển hoá năng lượng	Nhận biết	- Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật.		1		C12
		- Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng.				
	Thông hiểu	- Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa.	1		C19a	
		- Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.				
	Vận dụng	- Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kỹ thuật.				
		- Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kỹ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được.				
– Năng lượng hao phí – Năng lượng tái tạo	Nhận biết	- Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi.				

– Tiết kiệm năng lượng		- Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế.				
	Thông hiểu	- Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế.				
	Vận dụng	- Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	2		C19b	
Chủ đề 11. Trái Đất và bầu trời (10 tiết)			2	4		
– Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời	Nhận biết	- Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy.		1		C13
	Thông hiểu	- Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời.				
	Vận dụng	- Giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng.				
	Vận dụng cao	- Vận dụng quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng để ứng dụng, giải thích các hiện tượng thực tế.	2		C21	
– Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng	Nhận biết	- Nêu được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.		1		C14
	Thông hiểu	- Giải thích được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.				

	Vận dụng	- Thiết kế mô hình thực tế bằng vẽ hình, phần mềm thông dụng để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.				
– Hệ Mặt Trời – Ngân Hà	Nhận biết	- Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.		1		C15
		- Nêu được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.		1		C16
	Thông hiểu	- Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.				
		- Giải thích được hình ảnh quan sát thấy về sao chổi.				
		- Giải thích được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.				

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022-2023

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài 60 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1: Trong số các tác hại sau, tác hại nào **không** phải do nấm gây ra?

- A. Gây bệnh nấm da ở động vật.
- B. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng.
- C. Gây bệnh viêm gan B ở người.
- D. Gây ngộ độc thực phẩm ở người.

Câu 2: Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là:

- A. cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
- B. cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.

C. cây nhãn, cây hoa li, cây bèo tấm, cây vụn tuế.

D. cây thông, cây rêu, cây lúa, cây rau muống.

Câu 3: Các loài nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh?

A. Ruồi, chim bồ câu, ếch

B. Rắn, cá heo, hổ

C. Hươu cao cổ, đà điểu, dơi

D. Ruồi, muỗi, chuột

Câu 4: Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

A. Gấu, mèo, dê, cá heo

B. Bò, châu chấu, sư tử, voi

C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ

D. Tôm, muỗi, lợn, cừu

Câu 5: Treo vật vào đầu dưới của một lò xo, lò xo dãn ra. Khi đó

A. lò xo tác dụng vào vật một lực đẩy.

B. vật tác dụng vào lò xo một lực nén.

C. lò xo tác dụng vào vật một lực nén.

D. vật tác dụng vào lò xo một lực kéo.

Câu 6: Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?

A. Vận động viên nâng tạ.

B. Người dọn hàng đẩy thùng hàng trên sàn.

C. Giọt mưa đang rơi.

D. Bạt Na đóng đinh vào tường.

Câu 7: Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi

A. quyển sách để yên trên mặt bàn nằm nghiêng.

B. ô tô đang chuyển động, đột ngột hãm phanh.

C. quả bóng bàn đặt trên mặt bàn nằm ngang nhẵn bóng.

D. xe đạp đang xuống dốc.

Câu 8: Khi ta đem cân một vật là ta muốn biết

A. trọng lượng của vật đó.

B. thể tích của vật đó.

C. khối lượng của vật đó.

D. so sánh khối lượng của vật đó với khối lượng của các vật khác.

Câu 9: Một thùng hoa quả có trọng lượng 50 N thì thùng hoa quả đó có khối lượng bao nhiêu kg?

A. 5 kg.

B. 0,5 kg.

- C. 50 kg.
- D. 500 kg.

Câu 10. Một lò xo xoắn có độ dài ban đầu là 10,5cm. Khi treo một quả cân 100g thì độ dài của lò xo là 11cm. Nếu treo quả cân 500g thì lò xo bị giãn ra so với ban đầu một đoạn bao nhiêu?

- A. 0,5cm
- B. 1cm
- C. 2cm
- D. 2,5cm

Câu 11. Trường hợp nào sau đây là biểu hiện của một vật có động năng?

- A. Đun nóng vật
- B. Làm lạnh vật.
- C. Chiếu sáng vật.
- D. Vật đang chuyển động.

Câu 12. Khi quạt điện hoạt động thì có sự chuyển hóa:

- A. Cơ năng thành điện năng.
- B. Điện năng thành cơ năng.
- C. Điện năng thành hóa năng.
- D. Nhiệt năng thành điện năng.

Câu 13: Trái Đất có hiện tượng ngày và đêm luân phiên là do

- A. Mặt Trời mọc ở đằng đông, lặn ở đằng tây.
- B. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ tây sang đông.
- C. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ đông sang tây.
- D. Mặt Trời chuyển động từ đông sang tây.

Câu 14. Ta nhìn thấy Mặt Trăng vì:

- A. Mặt Trăng tự phát ra ánh sáng chiếu vào mắt ta.
- B. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời chiếu vào mắt ta.
- C. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Trái Đất chiếu vào mắt ta.
- D. Mặt Trăng phản xạ ánh sáng từ các thiên thể chiếu vào mắt ta.

Câu 15. Ý nào dưới đây là đúng khi nói về Hệ Mặt Trời?

- A. Trong Hệ Mặt Trời chỉ Mặt Trời có khả năng tự phát sáng.
- B. Trong Hệ Mặt Trời các thiên thể đều có khả năng tự phát sáng, trừ Trái Đất.
- C. Trong Hệ Mặt Trời có hai thiên thể tự phát sáng là Mặt Trời và Mặt Trăng.
- D. Tất cả các thiên thể đều có khả năng tự phát sáng.

Câu 16: Với các hành tinh sau của hệ Mặt Trời: Hoả tinh, Kim tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thuỷ tinh, Thứ tự các hành tinh xa dần Mặt Trời là

- A. Thuỷ tinh, Kim tinh, Hoả tinh, Mộc tinh, Thổ tinh.
 B. Kim tinh, Mộc tinh, Thuỷ tinh, Hoả tinh, Thổ tinh,
 C. Hoả tinh, Mộc tinh, Kim tinh, Thuỷ tinh, Thổ tinh.
 D. Thuỷ tinh, Hoả tinh, Thổ tinh, Kim tinh, Mộc tinh.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17.

- a) Đa dạng sinh học có vai trò như thế nào đối với tự nhiên và đối với đời sống con người?
 b) Em hãy lấy ví dụ về động vật không xương sống và động vật có xương sống, từ đó cho biết đặc điểm cơ bản để phân biệt hai nhóm động vật này.

Câu 18. Khi đang đi xe đạp, ta dùng tay bóp phanh, có phải lực của tay đã trực tiếp làm cho xe dừng lại? Giải thích.

Câu 19. Hình 1 là bức ảnh cho thấy một cái quạt. Các cánh của quạt được quay bằng động cơ điện. Trong một giây, động cơ nhận được 200J năng lượng điện từ nguồn điện lưới nhưng chỉ có 180J năng lượng này được sử dụng để làm quay các cánh quạt. Phần còn lại bị hao phí.



Hình 1

a. Hỏi phần năng lượng bị hao phí là bao nhiêu?

b. Điều gì xảy ra với phần năng lượng bị hao phí? Nêu các biện pháp làm giảm hao phí năng lượng điện khi sử dụng quạt?

Câu 20. Biểu diễn các lực sau với tỉ xích 1 cm ứng với 2 N.

a) Lực F, có phương ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 4 N.

b) Lực F, có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống, độ lớn 2 N.

Câu 21. Giả sử em bị lạc trong rừng. Nếu em quan sát được Mặt Trời và có đồng hồ để xác định thời gian. Em hãy đề xuất phương án xác định phương hướng.

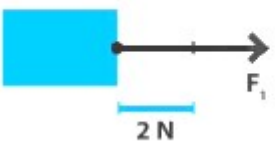
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II LỚP 6

A. TRẮC NGHIỆM: 4,0 điểm (Đúng mỗi câu được 0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	C	B	D	A	D	C	A	C
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐA	A	D	D	B	B	B	A	A

B. TỰ LUẬN: 6, ĐIỂM

Câu	Nội dung	Điểm
17 (1,5 điểm)	a. Vai trò của đa dạng sinh học + Đối với tự nhiên: - Giúp duy trì và ổn định sự sống trên Trái Đất.	0,25 0,25

		- Các loài đều có mối quan hệ qua lại, kháng khí, hỗ trợ hay khống chế lẫn nhau đảm bảo sự tồn tại và ổn định. + Đối với con người: - Đảm bảo phát triển bền vững của con người thông qua việc cung cấp ổn định nguồn nước, lương thực, thực phẩm; tạo môi trường sống thuận lợi cho con người. - Tạo nên các cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp phục vụ nhu cầu tham quan giải trí, nghỉ dưỡng của con người. Giúp con người thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc làm giảm ảnh hưởng của thiên tai và khí hậu khắc nghiệt.	0,25
		- Tạo nên các cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp phục vụ nhu cầu tham quan giải trí, nghỉ dưỡng của con người. Giúp con người thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc làm giảm ảnh hưởng của thiên tai và khí hậu khắc nghiệt.	0,25
		b. Lấy ví dụ đúng - Động vật không xương sống: giun đất, nhện, ốc sên ... - Động vật có xương sống: cá chép, chim bồ câu, thỏ ... Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là cơ thể có xương sống.	0,25
18	(1,0 điểm)	- Tay chúng ta chỉ làm cho tay phanh bị biến đổi chuyển động và phanh bị biến dạng. - Xe dừng lại là do má phanh tác dụng vào vành bánh xe một lực.	0,5
19	(1,5 điểm)	- Tay chúng ta chỉ làm cho tay phanh bị biến đổi chuyển động và phanh bị biến dạng. - Xe dừng lại là do má phanh tác dụng vào vành bánh xe một lực.	0,5
		- Tay chúng ta chỉ làm cho tay phanh bị biến đổi chuyển động và phanh bị biến dạng. - Xe dừng lại là do má phanh tác dụng vào vành bánh xe một lực.	0,5
19	(1,5 điểm)	- Tay chúng ta chỉ làm cho tay phanh bị biến đổi chuyển động và phanh bị biến dạng. - Xe dừng lại là do má phanh tác dụng vào vành bánh xe một lực.	0,5
19	(1,5 điểm)	- Tay chúng ta chỉ làm cho tay phanh bị biến đổi chuyển động và phanh bị biến dạng. - Xe dừng lại là do má phanh tác dụng vào vành bánh xe một lực.	0,5
20	(1,0 điểm)	Biểu diễn các lực sau với tỉ xích 1 cm ứng với 2 N: a)  b)  - Mỗi hình biểu diễn đúng: 0,5 điểm	1,0
21	(1,0 điểm)	- Dựa vào đồng hồ ta sẽ xác định được lúc đó là buổi sáng hay buổi chiều. Sau đó dựa vào bóng của mình hoặc cây cối trong rừng trên mặt đất ta sẽ xác định được phương hướng. - Hướng của bóng cây sẽ là hướng tây nếu lúc đó là buổi sáng và sẽ là hướng đông nếu lúc đó là buổi chiều.	0,5
			0,5

PHIẾU PHẢN BIỆN

MA TRẬN, ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA KÌ ... MÔN KHTN – LỚP ...

1. Nhóm phản biện số ...

- Nguyễn Văn A – TTCM trường ...
- Trần Văn B - ...
- Hoàng Thị C -

2. Ý kiến phản biện

2.1. Ma trận

.....
.....
.....

2.2. Bản đặc tả

.....
.....
.....

2.3. Đề minh họa

.....
.....
.....

2.4. Ý kiến khác.....

3. Đề xuất điều chỉnh

.....
.....

T.M NHÓM PHẢN BIỆN

Nguyễn Văn A